TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2017/HS-PT
Ngày 07 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Ý**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Văn Thành**

Bà **Mai Thị Tú Oanh**

-Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông **Trần Ngọc Đảm** - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 687/2016/HSPT ngày 04/11/2016 đối với bị cáo Phạm Thị Lệ Th (Gái) do có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Dương Ngọc Th2 (Th2 Ma) do có kháng cáo kêu oan và có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 352/2016/HSST ngày 20-21/9/2016 của Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, theo hướng tăng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S và Nguyễn Phong Tr theo điểm b, khoản 4, Điều 194 Bộ luật hình sự.

Bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1/ **Phạm Thị Lệ Th (Gái)**, sinh năm 1974; tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ khẩu thường trú: 925A Đường ND, phường MH, quận T, thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ hiện nay: 925A Đường ND, phường MH, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông Biện Lương K (chết) và bà Phạm Thị H (chết); bị cáo có chồng là Tống Ngọc M sinh năm 1970 đã ly hôn, bị cáo có 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/01/2013 (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn H, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ **Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 1978; tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ khẩu thường trú: 5K1 BĐ, phường MB, quận T, thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ hiện nay: 137/3B9 đường C, phường MH, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 2/12; nghề nghiệp: Không; ông Nguyễn Văn Q (chết) và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có chồng là Nguyễn Phong Tr sinh năm 1978 là bị cáo trong cùng vụ án và 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 14/9/1999, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Làm hàng giả".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2013 (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3/ **Nguyễn Phong Tr (Hiền)**, sinh năm 1978; tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Hộ khẩu thường trú: 137/3B9 đường C, phường MH, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; con ông Nguyễn Văn Hai và bà Trần Thị Hoa; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Ngọc S là bị cáo trong cùng vụ án và 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2013 (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đỗ Hải B, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4/ **Dương Ngọc Th2 (Thảo ma)**, sinh năm 1974; tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ khẩu thường trú: 113H/16 HT, phường MB, quận T, thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ hiện nay: 113H/16 HT, phường MB, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Không; con ông Dương Văn Th3 (chết) và bà Võ Thị H2 (chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 28/6/1995, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội "Cướp tài sản của công dân".

Bản án số: 83/HSST ngày 16/9/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/02/2013 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Võ Đức Tr, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 21 giờ ngày 19/01/2013, tại trước số nhà 615A Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5, Phòng Cảnh sát tội phạm về ma túy - Công an Tp. Hồ Chí Minh bắt quả tang Tăng Đỗ Liên H giấu 04 gói nilon chứa chất bột màu trắng trong xe máy biển số 59S1-295.62. Qua giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 27,6078g (Kết luận giám định số 361/KLGĐ-H ngày 05/02/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh). Tiến hành khám xét chỗ ở của Hương tại số 9 nhà số 43, đường số 1, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thu giữ: 0,1755g chế phẩm heroin, 0,5583g Methamphetamine (Kết luận giám định số 1157/KLGĐ-H ngày 18/07/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh), 01 hộ chiếu của Hương, 5.000.000 đồng và 01 cuốn sổ.

Lúc 18h30' ngày 26/01/2013, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Tp. Hồ Chí Minh bắt quả tang Phạm Thị Lệ Th tại ngã ba Bến BĐ - Nguyễn Chế Nghĩa, phường MH, quận T. Thu giữ: trong cốp xe gắn máy biển số 54L1-2550 của Th 345,44g chế phẩm heroin (Kết luận giám định số 404/KLGĐ-H ngày 04/03/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự), 59.400.000 đồng, 03 điện thoại di động và một số giấy tờ. Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của Th tại số 400/7I Tùng Thiện Vương, phường 13, quận T, thu giữ : 2.072,79g chế phẩm heroin, 01 gói thuốc lá Jet bên trong có 07 gói heroin, trọng lượng 5,2045g, 01 gói chất bột màu trắng trọng lượng 20,8446g là chế phẩm heroin (Kết luận giám định số 405/KLGĐ-H ngày 04/03/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn khám xét nơi ở khác của Phạm Thị Lệ Th tại địa chỉ số 003 chung cư Sư Vạn Hạnh, phường 9, quận 5, thu giữ 110.000.000 đồng.

Ngày 28/01/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn cấp Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Nguyễn Phong Tr, Giang Trung Kiệt và Dương Thị Ánh G.

Từ lời khai của Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc Tuyền và Dương Thị Ánh G. Ngày 26/02/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp. Hồ Chí Minh bắt khẩn cấp Dương Ngọc Th2 và Dương Thị Mỹ Lệ, thu giữ của Lệ gồm: 04 gói chất bột màu trắng có trọng lượng 6,7735g là chế phẩm heroin (Kết luận giám định số 711/KLGĐ-H ngày 10/05/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự), 01 cân điện tử, 01 số bịch nilon nhỏ, 02 điện thoại di động, 01 giấy CMND của Lê Kim Duy và 92.200.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Phạm Thị Lệ Th khai nhận: tháng 12/2012, Th quen biết với Hoa (không rõ lai lịch, địa chỉ). Khi biết Th đang thiếu nợ, Hoa gợi ý mua bán heroin với Th, Th đồng ý. Ngày 17/01/2013, Hoa bán cho Th 05 bánh heroin với giá 195.000.000đồng/bánh tại khu vực chợ Xóm Củi, quận T và hẹn khi nào bán xong ma túy thì trả tiền cho Hoa. Số heroin này Th đưa về nhà mẹ chồng là bà Tống Thị Kinh A tại số 400/7I Tùng Thiện Vương, phường 13, quận T cất giấu (bà Kim Anh không biết Th giấu ma túy trong nhà). Sau đó Phạm Thị Lệ Th bán lại cho Nguyễn Thị Ngọc S và Mai (không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 200.000.000 đồng/bánh, thu lợi được 5.000.000 đồng/bánh, cụ thể như sau:

- Lần 1: ngày 20/01/2013, Ngọc S điện thoại cho Th đặt mua 02 bánh heroin và hẹn giao nhận tại ngã ba hẻm 137 đường C, Phường MH, quận T. Khi Th đến điểm hẹn thì có một người thanh niên (người của S) đến nhận 02 bánh heroin rồi trả cho Th 400.000.000 đồng.

- Lần 2: ngày 22/01/2013, Ngọc S đặt mua 02 bánh heroin và Th vẫn hẹn ở địa điểm cũ để giao nhận. Lần này S cho người thanh niên lần trước đến nhận 02 bánh heroin của Th nhưng không trả tiền mà có một người phụ nữ đeo khẩu trang đến trả 400.000.000đồng cho Th. Còn 01 bánh heroin, Th bán cho Mai tại chợ cầu chữ U, quận T.

Sau khi bán hết 05 bánh heroin, Phạm Thị Lệ Th đến khu vực chợ Xóm Củi, quận T trả hết tiền cho Hoa. Sau đó Hoa giao thêm 10 bánh heroin cho Th bán, Th cũng đưa heroin về nhà mẹ chồng cất giấu để tiêu thụ như sau:

- Ngày 23/01/2013, Th hẹn gặp Ngọc S tại hẻm Bột mì đường BĐ, Phường 14, quận T bán cho S 02 bánh heroin. Khi Th đến điểm hẹn thì S điện thoại nói Th giao ma túy cho một bà già mập lùn, mặc đồ thun bông ngắn. Khoảng 10' sau, Th gặp người như mô tả và giao 02 bánh heroin cho người này đem về cho Nguyễn Thị Ngọc S. Sau đó Phạm Thị Lệ Th nhận tiền của S tại chợ Nguyễn Chế Nghĩa, phường MH, quận T. Đến 19h cùng ngày, Th bán thêm cho S 01 bánh heroin và gặp tại khu vực bùng binh Cầu Nhị Thiên Đường, lần này Ngọc S đến nhận. Tuy nhiên lúc đầu Phạm Thị Lệ Th khai nhận đã bán cho Nguyễn Thị Ngọc S 07 bánh heroin với giá 200.000.000đ/01 bánh. Nhưng sau đó Th không thừa nhận việc mua bán heroin với Nguyễn Thị Ngọc S.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị Ngọc S khai nhận: Từ cuối năm 2011 đến đầu năm 2012, Thúy (không rõ lai lịch, địa chỉ) cần mua 05 chỉ heroin nên Nguyễn Thị Ngọc S tìm Dương Thị Ánh G để mua. Lúc này Ánh G không có mà mua lại của Dương Ngọc Th2 với giá 11.750.000đồng/5chỉ rồi bán cho Nguyễn Thị Ngọc S 11.800.000 đồng. Sau đó Nguyễn Thị Ngọc S tiếp tục liên hệ mua ma túy của Dương Thị Ánh G. Tuy nhiên Ánh G cho biết "muốn mua nữa phải hỏi cậu Th2". Do vậy, Nguyễn Thị Ngọc S gặp Dương Ngọc Th2 để thỏa thuận việc mua bán heroin. Tổng cộng Nguyễn Thị Ngọc S đã mua 02 lượng heroin của Dương Ngọc Th2, mỗi lần là 05 chỉ heroin, với giá 11.800.000 đồng. Sau đó Ngọc S bán lại cho Thúy với giá 12.200.000 đồng/05 chỉ, thu lợi 400.000 đồng.

Quá trình điều tra Dương Ngọc Th2 xác định đã mua bán heroin với Nguyễn Thị Ngọc S, địa điểm giao nhận ma túy trong hẻm nước Sâm gần cầu Nhị Thiên Đường, quận T và Dương Thị Ánh G là người mang heroin đến giao cho Nguyễn Thị Ngọc S rồi cầm tiền về cho Dương Ngọc Th2. Th2 trả tiền công cho Ánh G 300.000 đồng. Th2 còn khai nhận nguồn ma túy có để bán Th2 mua của một người đàn ông tên Ba Siđa (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại khu vực Mã Lạng, quận 1, thu được 3.950.000 đồng.

Nguyễn Thị Ngọc S khai nhận từ tháng 12/2012 đến khi bị bắt, Ngọc S đã mua bán ma túy với Phạm Thị Lệ Th và Đào (không rõ lai lịch) tổng cộng là 11 bánh heroin, trong đó mua của Đào 4 bánh heroin, mua của Th 07 bánh heroin.

Toàn bộ heroin, Ngọc S đem về nhà thuê tại số 106 H/30C tổ 60, khu phố 4, đường HT, phường MB, quận T phân chia bán lại cho nhiều người, cụ thể:

- Ngày 13/01/2013, Nguyễn Thị Ngọc S điện thoại cho Phạm Thị Lệ Th mua 02 bánh heroin và hẹn giao nhận tại khu vực ngã ba hẻm 137 đường C, Phường MH, quận T. Sau đó, S nhờ chồng là Nguyễn Phong Tr cầm 400.000.000 đồng đến gặp Th trả tiền và nhận heroin đem về cho S.

- Ngày 15/01/2013, Nguyễn Thị Ngọc S mua của Phạm Thị Lệ Th 02 bánh heroin rồi hẹn ở địa điểm như lần trước đó. Lần này Nguyễn Phong Tr đi nhận heroin, còn Nguyễn Thị Ngọc Tuyền (em gái S) mang tiền đến trả cho Th.

- Ngày 20/01/2013, Nguyễn Thị Ngọc S điện thoại nói Phạm Thị Lệ Th bán 02 bánh heroin đưa đến hẻm Bột mì đường BĐ, Phường 14, quận T. Do S bận công việc nên nhờ mẹ là bà Nguyễn Thị L đi nhận giúp gói đồ đem về nhà cho S. Sau khi bà L nhận được gói đồ của Th giao và đem về nhà để trên tủ cho S đến lấy. Sau đó S trả 400.000.000 đồng cho Th tại chợ Nguyễn Chế Nghĩa, phường MH, quận T.

Ngày 23/01/2003, Nguyễn Thị Ngọc S đi cùng với Nguyễn Thị Ngọc Tuyền đến khu vực bùng binh cầu Nhị Thiên Đường, quận T để mua 01 bánh heroin của Phạm Thị Lệ Th.

Như vậy tổng số 11 bánh heroin, trong đó Nguyễn Thị Ngọc S đã trực tiếp đến nhà của Đinh Thị Kiều Oanh bán 02 bánh heroin với giá 203.000.000 đồng/bánh, thu lợi 6.000.000 đồng. Bán cho Khanh (không rõ lai lịch) 01 bánh thu lợi 3.000.000 đồng. Còn lại 08 bánh heroin (của Đào: 01 bánh; Th: 07 bánh), S phân chia mỗi bánh heroin thành 18 phần bằng nhau, mỗi phần 05 chỉ tương đương khoảng 18,7gr để bán lẻ với giá từ 11.200.000 đến 12.000.000 đồng/05chỉ, nếu khách hàng có nhu cầu mua cục heroin nhỏ hơn thì S lấy những phần heroin này tiếp tục chia thành nhiều cục có trọng lượng khác nhau. Việc mua bán ma túy chủ yếu liên lạc qua điện thoại để thỏa thuận giá, địa điểm giao nhận, nếu Nguyễn Thị Ngọc S bận thì Nguyễn Thị Ngọc Tuyền và Giang Trung Kiệt có nhiệm vụ giao ma túy lấy tiền về cho S. Tổng cộng S phân chia khoảng 144 cục, mỗi cục 0,5 lượng heroin đem đến các khu vực quận 4, quận 5, quận T bán lẻ, thu lợi bất chính được 56.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bán cho Tăng Đỗ Liên H 03 lần, tổng cộng 8,5 chỉ heroin với số tiền là 22.100.000 đồng. Trong đó ngày 19/01/2013, sau khi Hương mua của Nguyễn Thị Ngọc S 05 chỉ heroin/13.000.000 đồng, trên đường về Hương bị Công an bắt quả tang. Lời khai của Tăng Đỗ Liên H đều phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Ngọc S. Trong số ma túy Công an thu giữ của Hương còn có 0,5585g Methamphetamine là của Nguyên (bạn của Hương không rõ lai lịch, địa chỉ) cho Hương để sử dụng.

- Bán cho Dương Thị Ánh G 08 lần, mỗi lần 0,25 lượng, tổng cộng 02 lượng heroin. Trong đó, 04 lần Nguyễn Thị Ngọc S trực tiếp gặp Dương Thị Ánh G, số lần còn lại Nguyễn Thị Ngọc Tuyền giao heroin và nhận 5.750.000 đồng của Ánh G. Cả hai khai nhận việc mua bán ma túy đều phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Ngọc Tuyền. Ánh G đã mua 02 lượng heroin của Nguyễn Thị Ngọc S và Ngọc

Tuyền với giá 5.750.000 đồng/0,25 lượng rồi bán lại cho Thái (không xác định lai lịch, địa chỉ) tại khu vực cầu Chà Và, quận T với giá 5.800.000 đồng/0,25 lượng, Ánh G thu lợi 400.000 đồng.

- Bán cho Dương Thị Mỹ Lệ 04 lần, trong đó lần đầu 0,25 lượng còn 03 lần sau mỗi lần 0,5 lượng, tổng cộng 1,75 lượng heroin. Trong đó, Ngọc S trực tiếp giao 0,75 lượng heroin và thanh toán tiền với Lệ, còn 02 lần sau S nhờ Tuyền giao cho Lệ mỗi lần 0,5 lượng heroin và nhận 11.500.000 đồng.

Quá trình điều tra Dương Thị Mỹ Lệ khai nhận khoảng hai tháng trước tết nguyên Đán năm 2013, Lệ có mua heroin của Nguyễn Thị Ngọc S 05 lần là 1,5 lượng heroin. Trong đó một lần 05 chỉ heroin/11.500.000 đồng và lần sau mua 2,5 chỉ/ 5.750.000đồng, cả hai lần S đến nhà Lệ bán. Còn lại thì Nguyễn Thị Ngọc Tuyền đem đến bán, mỗi lần cách nhau khoảng 10 ngày Lệ mua 2,5 chỉ heroin với giá 5.750.000 đồng. Số ma túy mua được, Lệ dùng dao lam phân ra bán lẻ cho Tùng (không rõ lai lịch) với giá 700.000đồng/2,5 phân hoặc 350.000 đồng/1,25 phân. Sau khi S bị bắt, Lệ chuyển sang mua ma túy của Lượm (không rõ lai lịch) 01 lượng heroin với giá 25.000.000 đồng bán tiếp cho Tùng. Lệ đã bán được 08 chỉ heroin, còn lại 02 chỉ Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét. Tuy nhiên ngày 13/06/2013, Dương Thị Mỹ Lệ phủ nhận việc mua bán heroin với Lượm. Lệ có mua bán heroin với Nguyễn Thị Ngọc S, lần đầu mua 2,5 chỉ heroin với giá 5.750.000 đồng do Nguyễn Thị Ngọc Tuyền đến nhà Lệ giao và nhận tiền. Còn lại Nguyễn Thị Ngọc S cầm 02 chỉ heroin đến nhà bán cho Lệ với giá 4.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp. Hồ Chí Minh đã tiến hành cho Dương Thị Mỹ Lệ đối chất, kết quả S và Tuyền xác nhận đã bán cho Lệ tổng cộng 1,75 lượng heroin.

- Bán cho Đinh Thị Kiều Oanh khoảng 7,5 lượng heroin, trong đó: 02 lần mỗi lần 2,5 lượng, 01 lần 1,5 lượng, 02 lần mỗi lần 0,5 lượng. Trong đó Nguyễn Thị Ngọc Tuyền giúp Nguyễn Thị Ngọc S giao ma túy cho Oanh một lần 1,5 lượng heroin và một lần 0,5 lượng heroin. Giang Trung Kiệt cầm 0,5 lượng heroin giao cho Oanh rồi nhận 12.000.000đồng đem về cho S, lần này S trả cho Kiệt 100.000đồng. Còn lại Nguyễn Thị Ngọc S trực tiếp mua bán với Định Thị Kiều Oanh.

- Bán cho Út (không rõ lai lịch, địa chỉ) 14 lần với số lượng 14 lượng heroin. Trong đó, Ngọc S nhờ Giang Trung Kiệt giao 02 lần, mỗi lần Kiệt giao 0,5 lượng heroin cho Út và nhận 13.200.000 đồng cho S, S trả tiền công cho Kiệt từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng, còn lại S trực tiếp giao dịch với Út.

- Bán cho Loan Bầu (không rõ lai lịch) 03 lượng heroin, mỗi lần 0,5 lượng. Trong đó có một lần Giang Trung Kiệt giao cho Loan Bầu 0,5 lượng heroin với giá 12.000.000 đồng, S cho Kiệt 100.000đồng, còn lại Nguyễn Thị Ngọc S trực tiếp bán cho Loan.

- Bán cho Hùng Pêđê (không rõ lai lịch) 0,65 lượng, trong đó Nguyễn Thị Ngọc Tuyền khai nhận giúp S bán 01 lần 0,15 lượng heroin cho Hùng Pêđê giá

3.350.000 đồng và 02 lần Tuyền nhận tiền của Hùng trả cho Nguyễn Thị Ngọc S là 5.600.000 đồng và 5.750.000đồng. Còn lại S tự bán cho Hùng.

- Ngoài ra Nguyễn Thị Ngọc S còn bán ma túy cho những đối tượng không rõ lai lịch như: Luận, Lượm khoảng 08 lượng heroin, Thủy 08 lượng heroin. Bà ngoại 13,5 lượng heroin, Thanh khoảng 4,5 lượng heroin, Hạnh 08 lượng heroin.

Quá trình điều tra đã xác định lời khai của Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Nguyễn Phong Tr và Giang Trung Kiệt phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Ngọc S về số lần, trọng lượng heroin mà S giao cho các bị can đi giao và nhận tiền cầm về cho Nguyễn Thị Ngọc S.

Đối với những đối tượng mua bán heroin tên Hoa, Đào, Mai, Thúy, Khanh, Hạnh, Út, Loan bầu, Hùng pê đê, Luận, Thủy, Bà ngoại, Thanh, Ba si đa, Thái, Tùng… Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Dương Thị Ánh G, Giang Trung Kiệt, Dương Thị Mỹ Lệ và Dương Ngọc Th2 khai không rõ lai lịch, địa chỉ. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Tp. Hồ Chí Minh không có cơ sở để điều tra xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 352/2016/HSST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Lệ Th (Gái), Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Phong Tr (Hiền), Dương Ngọc Th2 (Thảo ma) phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*".

Áp dụng điểm b, khoản 4, Điều 194; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Lệ Th (Gái) tử hình. Bị cáo bị bắt giam từ ngày 26/01/2013. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm b, khoản 4, Điều 194; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 34 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S tù chung thân. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2013.

Áp dụng điểm b, khoản 4, Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phong Tr (Hiền) 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2013.

Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 194; điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Ngọc Th2 (Thảo ma) 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2013.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, hình phạt bổ sung, án phí… và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2016 bị cáo Phạm Thị Lệ Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 05/10/2016 bị cáo Dương Ngọc Th2 kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm xử không đúng, oan sai; ngày 05/10/2016 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định kháng nghị số 26/KNPT-VKS-P1, kháng nghị một phần bản án theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S và Nguyễn Phong Tr theo điểm b, khoản 4, Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Phong Tr và Dương Ngọc Th2 phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng người, đúng tội. Trọng lượng heroin bị cáo Th, S mua bán trong vụ án này rất lớn trên 600g heroin, nên theo Nghị quyết số 01/HĐTP thì bị cáo Th và S cần phải cách ly vĩnh viễn ngoài đời sống xã hội; bị cáo Tr giúp sức cho bị cáo S thực hiện việc mua bán 4 bánh heroin có trọng lượng cũng rất lớn, nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù là chưa tương xứng, cần tăng hình phạt bị cáo Tr lên hình phạt tù chung thân; bị cáo Th2 tham gia mua bán 4 lần, tổng cộng 2 lượng heroin, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th2. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S và Nguyễn Phong Tr; đối với bị cáo Th và Th2 giữ y án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn H bào chữa cho bị cáo Th trình bày: Theo lời khai của bị cáo Th tại phiên tòa thì bị cáo không mua bán ma túy với bị cáo S, bị cáo nhận của bà Hoa 7 món hàng không biết đó là ma túy; trên đường đi bị cáo bị bắt chứ không phải bắt quả tang mua bán ma túy, nên bị cáo không phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra làm rõ.

Luật sư Nguyễn Văn T bào chữa cho bị cáo S trình bày: Về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo S, luật sư nhất trí không tranh luận. Luật sư chỉ đề nghị xem xét cho bị cáo các tình tiết dù khi bị bắt không thu giữ được heroin nhưng tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, đã thể hiện bị cáo còn có khả năng tự cải tạo và phục thiện nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án sơ thẩm cho bị cáo.

Luật sư Đỗ Hải B bào chữa cho bị cáo Tr trình bày: Bị cáo giúp vợ là bị cáo S 2 lần nhận 4 bánh heroin, nhưng cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng, nên không có căn cứ trọng lượng heroin là bao nhiêu; vì vậy Viện kiểm sát đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Tr là không có căn cứ; đề nghị hủy án để điều tra lại vụ án.

Luật sư Võ Đức Tr bào chữa cho bị cáo Ngọc Th2 trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội; bị cáo đã dừng lại không mua bán ma túy từ năm 2012, bị cáo đã ăn năn hối cải, dựa vào lời khai của các bị cáo xử bị cáo là chưa đủ căn cứ.

Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Cơ quan điều tra bắt quả tang trên đường bị cáo Th giao hàng, dù tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận đó là

heroin, nhưng vật chứng thu giữ trong xe, khám xét thu giữ tại nhà và nơi ở của bị cáo, kết quả giám định vật chứng là chất heroin; đồng thời theo lời khai của bị cáo S đã điện thoại mua của bị cáo Th nhiều lần tổng cộng 7 bánh heroin và 1 lần trực tiếp gặp bị cáo Th để giao nhận hàng; bị cáo Tr tham gia mua bán 4 bánh heroin, vật chứng thu giữ của bị cáo Th và lời khai của bị cáo S và Tr thì trọng lượng ma túy của bị cáo Th và bị cáo Tr được xác định là rất lớn, nên các luật sư bào chữa cho bị cáo Th và Tr đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các luật sư, các bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Phong Tr, Dương Ngọc Th2 khai nhận hành vi mua bán ma túy, phù hợp với lời khai, tài liệu Cơ quan điều tra thu thập được, nên bản án hình sự sơ thẩm số: 352/2016/HSST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Phong Tr, Dương Ngọc Th2 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng người, đúng tội.

Đối với bị cáo Phạm Thị Lệ Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng như Luật sư bào chữa cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại tội danh của bị cáo, vì bị cáo không có mua bán ma túy với bị cáo Ngọc S, bị cáo chỉ nhận và cất giùm cho bà Hoa 7 món hàng, bị cáo chỉ nghe nói là chất gây mê, chứ không biết đó là chất ma túy, trên đường đi giao 01 món hàng thì bị bắt, nên bị cáo không phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi vì, tại Cơ quan điều tra bị cáo Th viết bản tường trình (Bl: 97, 99) xác nhận: Ngày 19-20/01/2013, bị cáo Th nhận của một người phụ nữ tên Hoa 5 bánh heroin; ngày 20/01/2013 bị cáo Th bán cho S 2 bánh heroin, ngày 21/01/2013 bị cáo Th bán tiếp cho S 2 bánh heroin, còn lại 01 bánh heroin bị cáo Th bán cho Mai. Đến ngày 23/01/2013, bị cáo Th tiếp tục nhận của người phụ nữ tên Hoa 10 bánh heroin, bị cáo Th bán cho S 03 bánh heroin, có lần Tr đi nhận heroin, có lần bà L (mẹ ruột của S), có lần S và Tuyền cùng đi nhận heroin…; hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo S, Tr và Tuyền tại Cơ quan điều tra, cũng như lời khai của bị cáo S và Tr tại phiên tòa phúc thẩm; phù hợp với kết quả khi bị cáo Th nhận dạng các đối tượng do S gọi đến gặp bị cáo Th để lấy heroin. Hơn nữa, khi bắt quả tang bị cáo Th mang 01 bánh heroin đang trên đường đi giao hàng và kiểm tra thu giữ tại nhà, nơi ở khác của bị cáo Th, thu giữ nhiều heroin; theo kết quả giám định bổ sung thì tổng trọng lượng heroin thu giữ của bị cáo Th là 815,9663g là rất lớn (chưa kể 8 bánh heroin bị cáo Th đã bán cho S và Mai chưa thu giữ được có trọng lượng heroin là 903,947g (345,44g/bánh x 32,71%/bánh x 8 bánh). Do đó bản án hình sự sơ thẩm số: 352/2016/HSST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Phạm Thị Lệ Th về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, khoản 4, Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo Th là cực kỳ nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã gây nghiện ngập, gây cái chết cho nhiều gia

đình và cho xã hội; bản án sơ thẩm đã tuyên tử hình đối với bị cáo Th, phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả bị cáo đã gây ra cho xã hội; vì vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th, cũng như hủy án sơ thẩm như đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Th, nên bác toàn bộ kháng cáo của bị cáo Th, giữ y mức án sơ thẩm.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Ngọc S, bị cáo Tr thì thấy: Theo lời khai của bị cáo Ngọc S trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo Ngọc S đã mua của bị cáo Th 7 bánh heroin, ngoài ra bị cáo S còn mua của bị cáo Th2 2 lượng heroin phù hợp với lời khai của bị cáo Tr, Tuyền, Ánh G và Th2, nên bị cáo Ngọc S đã mua bán trọng lượng heroin là 865,9538g = {(345,44g/bánh x 32,71%/bánh x 7 bánh) +(37,5g x 2 lượng)} là rất lớn, (chưa kể trọng lượng heroin trong 4 bánh bị cáo mua của Đào là 451,9736g); đặc biệt hành vi phạm tội của bị cáo Ngọc S được tổ chức, lôi kéo nhiều người thân trong gia đình như: Bà L, Tr, Tuyền là mẹ, chồng, em ruột và những đối tượng khác ngoài xã hội như: Giang Trung Kiệt cùng tham gia; bị cáo Ngọc S vừa bán sỉ cho nhiều đối tượng, trong đó có đối tượng bị bắt trong cùng vụ án và cả bán lẽ cho rất nhiều đối tượng khác ở quận 4, quận T, quận 12…trong thành phố Hồ Chí Minh, nên hành vi của bị cáo Ngọc S cực kỳ nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực giúp Cơ quan điều tra nhanh chóng vụ án và phát hiện nhiều tội phạm khác, nhưng bị cáo Ngọc S gây hậu quả đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng-Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, cách ly vĩnh viễn bị cáo Ngọc S ra khỏi đời sống xã hội là cần thiết, để phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Tr đã thừa nhận giúp sức cho bị cáo Ngọc S 2 lần và nhận 4 bánh heroin, theo kết quả giám định 01 bánh heroin có trọng lượng là 112,993g (345,44g/bánh x 32,71%/bánh), trọng lượng 4 bánh heroin là 451,973g heroin, Luật sư bào chữa cho bị cáo Tr cho rằng không thu giữ vật chứng, không có căn cứ xử lý bị cáo Tr và đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận; hành vi của bị cáo Tr rất nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Tr là chồng của bị cáo Ngọc S, ở chung một nhà nên hành vi phạm tội của bị cáo Tr là do bị cáo Ngọc S lôi kéo; hơn nữa, đã xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo Ngọc S, đối với bị cáo Tr cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm có điều kiện về với gia đình và lo cho con của bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng-Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt tù đối với bị cáo Tr.

Đối với bị cáo Th2 có đơn kháng cáo kêu oan, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Th2 thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo Ngọc S và Ánh G tại Cơ quan điều tra, bị cáo Th2 đã bán cho bị cáo Ngọc S 4 lần, mỗi lần 5 chỉ heroin, tổng cộng 20 chỉ bằng 2 lượng heroin; căn cứ Nghị định 134/NĐ-CP ngày 15/8/2007 của Chính Phủ qui định giá trị chuyển đổi của đơn vị đo lường 01 lượng heroin tương đương 37,5g nên trọng lượng heroin bị cáo Th2 mua bán là 75,00g; vì vậy, cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự

và xử phạt bị cáo 16 năm tù là phù hợp, không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th2.

Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không ai có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Lệ Th (Gái) và bị cáo Dương Ngọc Th2 (Thảo Ma); chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần bản án sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Lệ Th (Gái), Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Phong Tr (Hiền), Dương Ngọc Th2 (Thảo Ma) phạm tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy*".

Áp dụng điểm b, khoản 4, Điều 194; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Lệ Th (Gái) tử hình; thời hạn giam tính từ ngày 26/01/2013. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Thị Lệ Th (Gái) để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm b, khoản 4, Điều 194; điểm q, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S tử hình; thời hạn giam tính từ ngày 28/01/2013. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm b, khoản 4, Điều 194; điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phong Tr (Hiền) 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2013. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Phong Tr (Hiền) để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 194; điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Ngọc Th2 (Thảo Ma) 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2013. Tiếp tục tạm giam bị cáo Dương Ngọc Th2 (Thảo Ma) để bảo đảm thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Mỗi bị cáo Phạm Thị Lệ Th (Gái), Dương Ngọc Th2 (Thảo Ma) nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2017.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Phạm Thị Lệ Th và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S có quyền gửi đơn lên Chủ tịch nước, Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh(1)
- TAND Tp. HCM(1);
- VKSND Tp. HCM(1);
- Cục THADS Tp. HCM(1);
- CA Tp. HCM(1);
- Sở tư pháp Tp. HCM(1);
- Trại tạm giam công an Tp. HCM(8)
- Lưu (3) 20b án 22.